



LỊCH THI HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
1	Phiên dịch	010100093601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B001	7:30	6	20/03/2026	1	1-10		
2	Phiên dịch	010100093601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B202	7:30	6	20/03/2026	2	11-20		
3	Phiên dịch	010100093601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B105	7:30	6	20/03/2026	3	21-30		
4	Phiên dịch	010100093601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B203	7:30	6	20/03/2026	4	31-43		
5	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B002	7:30	6	20/03/2026	1	1-12		chia nhóm theo danh sách của khoa
6	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B301	7:30	6	20/03/2026	2	13-23		chia nhóm theo danh sách của khoa
7	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094301	23ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B004	7:30	6	20/03/2026	3	24-40		chia nhóm theo danh sách của khoa
8	Phiên dịch	010100093604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B105	9:30	6	20/03/2026	1	1-10		
9	Phiên dịch	010100093604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B202	9:30	6	20/03/2026	2	11-20		
10	Phiên dịch	010100093604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B004	9:30	6	20/03/2026	3	21-30		
11	Phiên dịch	010100093604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B001	9:30	6	20/03/2026	4	31-42		
12	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	25	B002	9:30	6	20/03/2026	1	1-11		chia nhóm theo danh sách của khoa
13	Văn hóa Anh - Mỹ	010100094302	23ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	25	B301	9:30	6	20/03/2026	2	12-25		chia nhóm theo danh sách của khoa
14	Phiên dịch	010100093605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B303	12:30	6	20/03/2026	1	1-10		
15	Phiên dịch	010100093605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B203	12:30	6	20/03/2026	2	11-20		
16	Phiên dịch	010100093605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B301	12:30	6	20/03/2026	3	21-30		
17	Phiên dịch	010100093605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	43	B001	12:30	6	20/03/2026	4	31-43		
18	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B105	12:30	6	20/03/2026	1	1-11		
19	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B202	12:30	6	20/03/2026	2	12-22		
20	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	A 309	12:30	6	20/03/2026	3	23-33		
21	Kỹ năng Thuyết trình	010100094201	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B304	12:30	6	20/03/2026	4	34-44		
22	Phiên dịch	010100093606	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B105	14:30	6	20/03/2026	1	1-10		
23	Phiên dịch	010100093606	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B202	14:30	6	20/03/2026	2	11-20		
24	Phiên dịch	010100093606	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B203	14:30	6	20/03/2026	3	21-30		
25	Phiên dịch	010100093606	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B001	14:30	6	20/03/2026	4	31--40		
26	Phiên dịch	010100093607	24ĐHNNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	41	B105	16:30	6	20/03/2026	1	1-10		
27	Phiên dịch	010100093607	24ĐHNNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	41	B202	16:30	6	20/03/2026	2	11-20		
28	Phiên dịch	010100093607	24ĐHNNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	41	B004	16:30	6	20/03/2026	3	21-30		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
29	Phiên dịch	010100093607	24ĐHNNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	41	B005	16:30	6	20/03/2026	4	31-41		
30	Phiên dịch	010100093608	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	39	B202	7:30	7	21/03/2026	1	1-10		
31	Phiên dịch	010100093608	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	39	B105	7:30	7	21/03/2026	2	11-20		
32	Phiên dịch	010100093608	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	39	B004	7:30	7	21/03/2026	3	21-30		
33	Phiên dịch	010100093608	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	39	B001	7:30	7	21/03/2026	4	31-39		
34	Phiên dịch	010100093609	24ĐHNNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B105	9:30	7	21/03/2026	1	1-10		
35	Phiên dịch	010100093609	24ĐHNNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B005	9:30	7	21/03/2026	2	11-20		
36	Phiên dịch	010100093609	24ĐHNNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B004	9:30	7	21/03/2026	3	21-30		
37	Phiên dịch	010100093609	24ĐHNNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	42	B001	9:30	7	21/03/2026	4	31-42		
38	Phiên dịch	010100093610	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B105	12:30	7	21/03/2026	1	1-10		
39	Phiên dịch	010100093610	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B102	12:30	7	21/03/2026	2	11-20		
40	Phiên dịch	010100093610	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B004	12:30	7	21/03/2026	3	21-30		
41	Phiên dịch	010100093610	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B002	12:30	7	21/03/2026	4	31-40		
42	Phiên dịch	010100093611	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B301	14:30	7	21/03/2026	1	1-10		
43	Phiên dịch	010100093611	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B205	14:30	7	21/03/2026	2	11-20		
44	Phiên dịch	010100093611	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B204	14:30	7	21/03/2026	3	21-30		
45	Phiên dịch	010100093611	24ĐHNNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B203	14:30	7	21/03/2026	4	31-40		
46	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B002	14:30	7	21/03/2026	1	1-11		
47	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B004	14:30	7	21/03/2026	2	12-22		
48	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B102	14:30	7	21/03/2026	3	23-33		
49	Kỹ năng Thuyết trình	010100094202	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	44	B105	14:30	7	21/03/2026	4	34-44		
50	Phiên dịch	010100093612	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B102	16:30	7	21/03/2026	1	1-10		
51	Phiên dịch	010100093612	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B101	16:30	7	21/03/2026	2	11-20		
52	Phiên dịch	010100093612	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B005	16:30	7	21/03/2026	3	21-30		
53	Phiên dịch	010100093612	24ĐHNNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	40	B004	16:30	7	21/03/2026	4	31-40		
54	Kỹ năng Thuyết trình	010100094203	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	15	B002	16:30	7	21/03/2026				
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040601	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	23	B002	9:30	2	23/03/2026				
56	Phương pháp nghiên cứu khoa học (NNA)	010100040602	23ĐHNADL	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	2	39	E03	9:30	2	23/03/2026				
57	Kỹ năng đàm phán	010100094501	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	42	E01	12:30	3	24/03/2026				
58	Kỹ năng đàm phán	010100094502	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Thuyết trình	2	13	B001	12:30	3	24/03/2026				
59	Tự động hoá quá trình công nghệ	011100090201	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	40	G403	7:30	7	28/03/2026				
60	Tự động hoá quá trình công nghệ	011100090201	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	40	G403	9:30	7	28/03/2026				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
61	Tự động hoá quá trình công nghệ	011100090202	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	12:30	7	28/03/2026				
62	Tự động hoá quá trình công nghệ	011100090202	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	14:30	7	28/03/2026				
63	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147301	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	36	H001	7:30	4	01/04/2026	1	1-25		
64	Công nghệ và hệ thống thông tin trong dịch vụ giao nhận	010100147301	23ĐHKVLD01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	36	H002	7:30	4	01/04/2026	2	26-36		
65	Sustainable Aviation Industry and Environment	010100151901	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	48	G603	7:30	4	01/04/2026	1	1-25		
66	Sustainable Aviation Industry and Environment	010100151901	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	2	48	G604	7:30	4	01/04/2026	2	26-48		
67	Hệ thống Nhúng	011100016701	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	56	G407	7:30	4	01/04/2026				
68	Bản đồ hàng không	011100063501	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	66	G201	7:30	4	01/04/2026	1	1-33		
69	Bản đồ hàng không	011100063501	24ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	66	G307	7:30	4	01/04/2026	2	34-66		
70	Bản đồ hàng không	011100063502	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	63	G308	7:30	4	01/04/2026	1	1-30		
71	Bản đồ hàng không	011100063502	24ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	63	G501	7:30	4	01/04/2026	2	31-63		
72	Thí nghiệm KTHK 1	011100139601	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	62	G03	7:30	4	01/04/2026	1	1-31		
73	Thí nghiệm KTHK 1	011100139601	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	62	G03	9:30	4	01/04/2026	2	32-62		
74	Aeronautical Charts	011100179401	24ĐAKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	49	G201	9:30	4	01/04/2026	1	1-24		
75	Aeronautical Charts	011100179401	24ĐAKL01	Khoa Khai thác hàng không	Tự luận	2	49	G307	9:30	4	01/04/2026	2	25-49		
76	Flight Mechanics 1	011100186301	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	30	G603	9:30	4	01/04/2026				
77	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008201	25ĐHHL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G301	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
78	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008201	25ĐHHL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G113	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
79	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008202	25ĐHHL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G307	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
80	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008202	25ĐHHL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G205	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
81	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008203	25ĐHHL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G504	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
82	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008203	25ĐHHL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G602	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
83	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008204	25ĐHHL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G601	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
84	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008204	25ĐHHL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G201	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
85	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008205	25ĐHTM01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G609	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
86	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008205	25ĐHTM01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G604	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
87	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008206	25ĐHTM02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	64	G605	12:30	4	01/04/2026	1	1-32		
88	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008206	25ĐHTM02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	64	H003	12:30	4	01/04/2026	2	33-65		
89	Thí nghiệm KTHK 1	011100139602	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	52	G03	12:30	4	01/04/2026	1	1-26		
90	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008210	25ĐHKV02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G201	14:30	4	01/04/2026	1	1-32		
91	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008210	25ĐHKV02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G301	14:30	4	01/04/2026	2	33-65		
92	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008211	25ĐHKV03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G307	14:30	4	01/04/2026	1	1-32		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
93	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008211	25ĐHKV03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G504	14:30	4	01/04/2026	2	33-65		
94	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008212	25ĐHKV04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G601	14:30	4	01/04/2026	1	1-32		
95	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008212	25ĐHKV04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G602	14:30	4	01/04/2026	2	33-65		
96	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008213	25ĐHKN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G604	14:30	4	01/04/2026	1	1-32		
97	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008213	25ĐHKN01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G605	14:30	4	01/04/2026	2	33-65		
98	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008214	25ĐHKN02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G609	14:30	4	01/04/2026	1	1-32		
99	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008214	25ĐHKN02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G113	14:30	4	01/04/2026	2	33-65		
100	Thí nghiệm KTHK 1	011100139602	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	52	G03	14:30	4	01/04/2026	2	27-52		
101	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008215	25ĐHKN03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G204	16:30	4	01/04/2026	1	1-32		
102	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008215	25ĐHKN03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G504	16:30	4	01/04/2026	2	33-65		
103	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008216	25ĐHKH01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G601	16:30	4	01/04/2026	1	1-32		
104	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008216	25ĐHKH01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G608	16:30	4	01/04/2026	2	33-65		
105	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008217	25ĐHKH02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G305	16:30	4	01/04/2026	1	1-32		
106	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008217	25ĐHKH02	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G406	16:30	4	01/04/2026	2	33-65		
107	Introduction to Research Methods	010131191801	25ĐALO01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	37	G113	7:30	5	02/04/2026				
108	Cơ học bay 1	011100105701	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	60	G202	7:30	5	02/04/2026	1	1-30		
109	Cơ học bay 1	011100105701	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	60	G608	7:30	5	02/04/2026	2	31-60		
110	Cơ học bay 1	011100105702	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	64	G301	7:30	5	02/04/2026	1	1-32		
111	Cơ học bay 1	011100105702	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	64	G204	7:30	5	02/04/2026	2	33-64		
112	Cơ học bay 1	011100105703	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	61	G205	7:30	5	02/04/2026	1	1-30		
113	Cơ học bay 1	011100105703	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	61	G406	7:30	5	02/04/2026	2	31-61		
114	Tin học ứng dụng trong khối ngành kinh tế	010131210101	25ĐHMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	58	G608	9:30	5	02/04/2026	1	1-29		
115	Tin học ứng dụng trong khối ngành kinh tế	010131210101	25ĐHMK01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	58	H003	9:30	5	02/04/2026	2	30-58		
116	Kết cấu bê tông cốt thép	011100116101	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	2	21	H001	9:30	5	02/04/2026				
117	Aerospace Engineering Lab 1	011100185601	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	34	G113	9:30	5	02/04/2026				
118	Hình họa & vẽ kỹ thuật	011154105401	25ĐHKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	59	G406	9:30	5	02/04/2026				
119	Hình họa & vẽ kỹ thuật	011154105402	25ĐHKL02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	37	G204	9:30	5	02/04/2026				
120	Hình họa & vẽ kỹ thuật	011154105403	25ĐHKL03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	49	G205	9:30	5	02/04/2026				
121	Hình họa & vẽ kỹ thuật	011154105404	25ĐHKL04	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	25	G301	9:30	5	02/04/2026				
122	Hình họa & vẽ kỹ thuật	011154105405	25ĐAKL01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	2	27	G202	9:30	5	02/04/2026				
123	Thực hành điện tử công suất	011100089404	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	27	G403	12:30	5	02/04/2026				
124	Phương tiện bay không người lái (UAV)	011100137401	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	50	G404	12:30	5	02/04/2026				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
125	Thí nghiệm KTHK 1	011100139603	24ĐHK03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	62	G03	12:30	5	02/04/2026	1	1-31		
126	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	011152113201	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	62	G301	12:30	5	02/04/2026	1	1-31		
127	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	011152113201	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	62	G604	12:30	5	02/04/2026	2	32-62		
128	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	011152113203	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	60	G203	12:30	5	02/04/2026	1	1-30		
129	Nguyên lý cấu tạo kiến trúc	011152113203	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	60	G304	12:30	5	02/04/2026	2	31-60		
130	Chuyên đề 2 -ĐTVT	011100073101	23ĐHT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	34	G404	14:30	5	02/04/2026				
131	Thực hành điện tử công suất	011100089404	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	27	G403	14:30	5	02/04/2026				
132	Thí nghiệm KTHK 1	011100139603	24ĐHK03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	2	62	G03	14:30	5	02/04/2026	2	32-62		
133	Sức bền vật liệu 1	011152111401	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	62	G202	14:30	5	02/04/2026	1	1-31		
134	Sức bền vật liệu 1	011152111401	25ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	2	62	G301	14:30	5	02/04/2026	2	32-62		
135	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008207	25ĐHTM03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	66	G201	16:30	5	02/04/2026	1	1-33		
136	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008207	25ĐHTM03	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	66	G204	16:30	5	02/04/2026	2	34-66		
137	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008208	25ĐHTM04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	64	G603	16:30	5	02/04/2026	1	1-32		
138	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008208	25ĐHTM04	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	64	G604	16:30	5	02/04/2026	2	33-65		
139	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008209	25ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G205	16:30	5	02/04/2026	1	1-32		
140	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	010110008209	25ĐHKV01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	2	65	G305	16:30	5	02/04/2026	2	33-65		
141	Hình vị học	010100093907	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G601	7:30	2	06/04/2026	1	1-20		
142	Hình vị học	010100093907	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G602	7:30	2	06/04/2026	2	21-40		
143	Hình vị học	010100093908	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	27	G301	7:30	2	06/04/2026				
144	Hình vị học	010100093912	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	7:30	2	06/04/2026				
145	Hình vị học	010100093913	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G406	7:30	2	06/04/2026				
146	Kỹ thuật robot	011100088701	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	46	G404	7:30	2	06/04/2026				
147	Hình vị học	010100093901	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	9:30	2	06/04/2026				
148	Hình vị học	010100093902	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	28	G301	9:30	2	06/04/2026				
149	Hình vị học	010100093909	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	34	G406	9:30	2	06/04/2026				
150	Hình vị học	010100093910	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	25	G608	9:30	2	06/04/2026				
151	Hình vị học	010100093911	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G603	9:30	2	06/04/2026	1	1-20		
152	Hình vị học	010100093911	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G604	9:30	2	06/04/2026	2	21-39		
153	Kỹ thuật robot	011100088702	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	45	G404	9:30	2	06/04/2026				
154	Hình vị học	010100093903	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G504	12:30	2	06/04/2026	1	1-20		
155	Hình vị học	010100093903	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G604	12:30	2	06/04/2026	2	21-40		
156	Hình vị học	010100093905	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G302	12:30	2	06/04/2026	1	1-20		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
157	Hình vị học	010100093905	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G608	12:30	2	06/04/2026	2	21-39		
158	Hình vị học	010100093906	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G301	12:30	2	06/04/2026	1	1-20		
159	Hình vị học	010100093906	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G609	12:30	2	06/04/2026	2	21-40		
160	Thực hành điện tử công suất	011100089401	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	12:30	2	06/04/2026				
161	Ngữ âm và Âm vị học	010100093802	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G608	14:30	2	06/04/2026	1	1-20		
162	Ngữ âm và Âm vị học	010100093802	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G604	14:30	2	06/04/2026	2	21-40		
163	Ngữ âm và Âm vị học	010100093803	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G302	14:30	2	06/04/2026	1	1-20		
164	Ngữ âm và Âm vị học	010100093803	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G301	14:30	2	06/04/2026	2	21-40		
165	Ngữ âm và Âm vị học	010100093804	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G113	14:30	2	06/04/2026				
166	Ngữ âm và Âm vị học	010100093806	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G406	14:30	2	06/04/2026				
167	Thực hành điện tử công suất	011100089401	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	14:30	2	06/04/2026				
168	Điện toán đám mây	010100087101	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	24	G508	12:30 - 16:30	2	06/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
169	Công nghệ chuỗi khối	010100087602	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	66	G507	12:30 - 16:30	2	06/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
170	Công nghệ chuỗi khối	010100087601	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	65	G507	7:30 - 11:30	2	06/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
171	Ngữ âm và Âm vị học	010100093801	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	41	G305	7:30	3	07/04/2026				
172	Ngữ âm và Âm vị học	010100093805	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G602	7:30	3	07/04/2026	1	1-20		
173	Ngữ âm và Âm vị học	010100093805	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G609	7:30	3	07/04/2026	2	21-40		
174	Ngữ âm và Âm vị học	010100093808	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	21	G302	7:30	3	07/04/2026				
175	Ngữ âm và Âm vị học	010100093809	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	7:30	3	07/04/2026				
176	Ngữ âm và Âm vị học	010100093813	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	35	G304	7:30	3	07/04/2026				
177	Thực hành điện tử công suất	011100089403	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	7:30	3	07/04/2026				
178	Ngữ nghĩa học	010100094101	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G305	9:30	3	07/04/2026				
179	Ngữ nghĩa học	010100094102	23ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G406	9:30	3	07/04/2026				
180	Ngữ nghĩa học	010100094103	23ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	9:30	3	07/04/2026				
181	Ngữ nghĩa học	010100094104	23ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G304	9:30	3	07/04/2026				
182	Ngữ nghĩa học	010100094108	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G602	9:30	3	07/04/2026	1	1-20		
183	Ngữ nghĩa học	010100094108	23ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G609	9:30	3	07/04/2026	2	20-40		
184	Thực hành điện tử công suất	011100089403	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	9:30	3	07/04/2026				
185	Ngữ âm và Âm vị học	010100093810	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G301	12:30	3	07/04/2026	1	1-20		
186	Ngữ âm và Âm vị học	010100093810	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	39	G604	12:30	3	07/04/2026	2	21-39		
187	Ngữ âm và Âm vị học	010100093812	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G201	12:30	3	07/04/2026	1	1-20		
188	Ngữ âm và Âm vị học	010100093812	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G608	12:30	3	07/04/2026	2	21-40		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
189	Ngữ nghĩa học	010100094105	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	12:30	3	07/04/2026				
190	Ngữ nghĩa học	010100094106	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G201	14:30	3	07/04/2026	1	1-20		
191	Ngữ nghĩa học	010100094106	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G301	14:30	3	07/04/2026	2	20-40		
192	Ngữ nghĩa học	010100094107	23ĐHNAADL	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	41	G604	14:30	3	07/04/2026	1	1-20		
193	Ngữ nghĩa học	010100094107	23ĐHNAADL	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	41	G608	14:30	3	07/04/2026	2	20-41		
194	Ngữ nghĩa học	010100094109	23ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	2	40	G205	14:30	3	07/04/2026				
195	Khai thác dữ liệu	010100087302	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	67	G508	12:30 - 16:30	4	08/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
196	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	011100086901	23ĐHĐT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	33	G507	12:30 - 16:30	4	08/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
197	Thực hành điện tử công suất	011100089402	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	12:30	5	09/04/2026				
198	Thực hành điện tử công suất	011100089402	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	14:30	5	09/04/2026				
199	Nghe - Nói 5	010100092604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B002	7:30	2	13/04/2026	1	1-11		
200	Nghe - Nói 5	010100092604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	7:30	2	13/04/2026	2	12-22		
201	Nghe - Nói 5	010100092604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B005	7:30	2	13/04/2026	3	23-33		
202	Nghe - Nói 5	010100092604	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	7:30	2	13/04/2026	4	34-45		
203	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4	010100146401	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	37	G204	7:30	2	13/04/2026				
204	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 4	010100146402	23ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	42	G205	7:30	2	13/04/2026				
205	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131401	24ĐHDL1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	56	G609	7:30	2	13/04/2026	1	1-28		
206	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131401	24ĐHDL1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	56	H003	7:30	2	13/04/2026	2	29-56		
207	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131402	24ĐHDL2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	35	G603	7:30	2	13/04/2026	1	1-17		
208	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131402	24ĐHDL2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	35	G605	7:30	2	13/04/2026	2	18-35		
209	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131403	24ĐHDL3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	53	G601	7:30	2	13/04/2026	1	1-26		
210	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131403	24ĐHDL3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	53	G602	7:30	2	13/04/2026	2	27-53		
211	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131404	24ĐHDL4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	55	G201	7:30	2	13/04/2026	1	1-30		
212	Giấy tờ du lịch và chứng từ hàng không (ATO)	010172131404	24ĐHDL4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Kiểm tra viết	3	55	G113	7:30	2	13/04/2026	2	31-55		ghép phòng
213	Học máy và ứng dụng	011100156501	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	40	G401	7:30	2	13/04/2026				
214	Giám sát khách sạn	010100050301	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	48	G308	9:30	2	13/04/2026	1	1-24		
215	Giám sát khách sạn	010100050301	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	48	G501	9:30	2	13/04/2026	2	25-48		
216	Nghe - Nói 5	010100092605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	B002	9:30	2	13/04/2026	1	1-8		
217	Nghe - Nói 5	010100092605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	B004	9:30	2	13/04/2026	2	9-16		
218	Nghe - Nói 5	010100092605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	B005	9:30	2	13/04/2026	3	17-24		
219	Nghe - Nói 5	010100092605	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	35	B101	9:30	2	13/04/2026	4	25-35		
220	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110701	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G201	9:30	2	13/04/2026	1	1-36		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
221	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110701	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	72	G301	9:30	2	13/04/2026	2	37-72		
222	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110702	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G302	9:30	2	13/04/2026	1	1-31		
223	Nghiệp vụ Giao nhận và khai báo hải quan	010100110702	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	62	G304	9:30	2	13/04/2026	2	32-62		
224	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167401	24ĐHDL1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	31	G504	9:30	2	13/04/2026				
225	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167402	24ĐHDL2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G605	9:30	2	13/04/2026	1	1-28		
226	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167402	24ĐHDL2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G608	9:30	2	13/04/2026	2	29-56		
227	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167403	24ĐHDL3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G406	9:30	2	13/04/2026				ghép phòng
228	Văn hóa các nước ASEAN	010100168201	24ĐHDLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G113	9:30	2	13/04/2026				
229	Văn hóa các nước ASEAN	010100168202	24ĐHDLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G205	9:30	2	13/04/2026				
230	Văn hóa các nước ASEAN	010100168203	24ĐHDLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	26	G204	9:30	2	13/04/2026				
231	Điện tử thông tin	011100014501	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G601	9:30	2	13/04/2026	1	1-27		
232	Điện tử thông tin	011100014501	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G602	9:30	2	13/04/2026	2	28-54		
233	Điện tử thông tin	011100014502	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G603	9:30	2	13/04/2026	1	1-27		
234	Điện tử thông tin	011100014502	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	54	G604	9:30	2	13/04/2026	2	28-54		
235	Học máy và ứng dụng	011100156502	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	27	G401	9:30	2	13/04/2026				
236	Hoạch định và tuyển dụng	010100119101	24ĐHNL01	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G305	12:30	2	13/04/2026				
237	Hoạch định và tuyển dụng	010100119102	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G301	12:30	2	13/04/2026	1	1-30		
238	Hoạch định và tuyển dụng	010100119102	24ĐHNL02	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G302	12:30	2	13/04/2026	2	31-60		
239	Hoạch định và tuyển dụng	010100119103	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G307	12:30	2	13/04/2026	1	1-30		
240	Hoạch định và tuyển dụng	010100119103	24ĐHNL03	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G504	12:30	2	13/04/2026	2	31-60		
241	Hoạch định và tuyển dụng	010100119104	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G601	12:30	2	13/04/2026	1	1-30		
242	Hoạch định và tuyển dụng	010100119104	24ĐHNL04	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	60	G603	12:30	2	13/04/2026	2	31-60		
243	Hoạch định và tuyển dụng	010100119105	24ĐHNL05	Khoa Quản trị kinh doanh	Tự luận	3	43	G203	12:30	2	13/04/2026				
244	Văn hóa ẩm thực	010100157601	24ĐHDLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	52	G406	12:30	2	13/04/2026				
245	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167404	24ĐHDL4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G204	12:30	2	13/04/2026	1	1-28		
246	Dịch vụ hành khách tại Cảng hàng không	010100167404	24ĐHDL4	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	56	G304	12:30	2	13/04/2026	2	29-56		
247	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	43	G408	12:30	2	13/04/2026	1	1-22		
248	Cơ sở điều khiển tự động	011100014801	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	43	G501	12:30	2	13/04/2026	2	23-44		
249	Cơ sở điều khiển tự động	011100014802	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	40	G407	12:30	2	13/04/2026				
250	Cơ sở điều khiển tự động	011100014803	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	25	G308	12:30	2	13/04/2026				
251	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014001	24ĐHQTVT	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	66	G203	14:30	2	13/04/2026	1	1-33		
252	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014001	24ĐHQTVT	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	66	G204	14:30	2	13/04/2026	2	34-66		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
253	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014002	24ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G308	14:30	2	13/04/2026	1	1-33		
254	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014002	24ĐHQTC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G408	14:30	2	13/04/2026	2	34-67		
255	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014003	24ĐHQTC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	64	G407	14:30	2	13/04/2026	1	1-32		
256	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014003	24ĐHQTC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	64	G501	14:30	2	13/04/2026	2	33-64		
257	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014004	24ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G302	14:30	2	13/04/2026	1	1-33		
258	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014004	24ĐHQTC3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	67	G307	14:30	2	13/04/2026	2	34-67		
259	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014005	24ĐHQTC4	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G608	14:30	2	13/04/2026	1	1-30		
260	Vận tải hàng hóa hàng không	010100014005	24ĐHQTC4	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	65	G305	14:30	2	13/04/2026	2	31-65		ghép phòng
261	Quản trị buồng khách sạn	010100166401	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	53	G406	14:30	2	13/04/2026				
262	Sea transport & Marine Container	010100200501	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	46	G113	14:30	2	13/04/2026				
263	International Transport Insurance	010100199801	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	49	G205	16:30	2	13/04/2026				
264	Kỹ thuật siêu cao tần	011100036801	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G305	16:30	2	13/04/2026				
265	Kỹ thuật siêu cao tần	011100036802	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	48	G406	16:30	2	13/04/2026				
266	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130001	24ĐHXD01	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	31	G307	16:30	2	13/04/2026				
267	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130002	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	40	G601	16:30	2	13/04/2026	1	1-20		
268	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130002	24ĐHXD02	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	40	G602	16:30	2	13/04/2026	2	21-40		
269	Thiết kế kết cấu nhà thép	011100130003	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	23	G504	16:30	2	13/04/2026				
270	Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	010100022601	23ĐHDL01	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	27	G202	7:30	3	14/04/2026				
271	Nghe - Nói 5	010100092601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B002	7:30	3	14/04/2026	1	1-11		
272	Nghe - Nói 5	010100092601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B004	7:30	3	14/04/2026	2	12-22		
273	Nghe - Nói 5	010100092601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B101	7:30	3	14/04/2026	3	23-33		
274	Nghe - Nói 5	010100092601	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B102	7:30	3	14/04/2026	4	34-46		
275	Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	010100113601	24ĐHKVLD	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G301	7:30	3	14/04/2026	1	1-30		
276	Vận chuyển hàng hóa bằng đường biển	010100113601	24ĐHKVLD	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G302	7:30	3	14/04/2026	2	31-60		
277	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148401	24ĐHKVLQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	24	G504	7:30	3	14/04/2026				
278	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148402	24ĐHKVLQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	49	G113	7:30	3	14/04/2026				
279	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148403	24ĐHKVLQ3	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	28	G604	7:30	3	14/04/2026				
280	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148404	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G601	7:30	3	14/04/2026	1	1-29		
281	Quản trị thu mua toàn cầu	010100148404	24ĐHKQ01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G602	7:30	3	14/04/2026	2	30-59		
282	Điều khiển nâng cao	011100137302	23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	42	G401	7:30	3	14/04/2026				
283	Nghe - Nói 5	010100092602	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B002	9:30	3	14/04/2026	1	1-11		
284	Nghe - Nói 5	010100092602	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B004	9:30	3	14/04/2026	2	12-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
285	Nghe - Nói 5	010100092602	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B101	9:30	3	14/04/2026	3	23-33		
286	Nghe - Nói 5	010100092602	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B102	9:30	3	14/04/2026	4	34-46		
287	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	010100141201	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	46	G113	9:30	3	14/04/2026				
288	Quản trị nguồn nhân lực trong du lịch	010100141202	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G205	9:30	3	14/04/2026				
289	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147901	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	54	G305	9:30	3	14/04/2026				
290	Vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không	010100147902	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	60	G406	9:30	3	14/04/2026				
291	Chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia	010100151501	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	50	G202	9:30	3	14/04/2026	1	1-25		
292	Quản trị Bar và đồ uống	010100166801	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	53	G604	9:30	3	14/04/2026	1	1-26		
293	Quản trị Bar và đồ uống	010100166801	24ĐHDLKN	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	53	G603	9:30	3	14/04/2026	2	27-53		
294	Nghiệp vụ Kiểm soát An ninh hàng không	010131133801	24ĐHQVTAN	Khoa Quản trị kinh doanh	Thực hành	4	25	D03	9:30	3	14/04/2026				ghép phòng
295	Xử lý số tín hiệu	011100014401	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	52	G301	9:30	3	14/04/2026	1	1-26		
296	Xử lý số tín hiệu	011100014401	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	52	G302	9:30	3	14/04/2026	2	27-52		
297	Xử lý số tín hiệu	011100014402	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	52	G308	9:30	3	14/04/2026	1	1-26		
298	Xử lý số tín hiệu	011100014402	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	52	G407	9:30	3	14/04/2026	2	27-52		
299	Điều khiển nâng cao	011100137301	23ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	42	G401	9:30	3	14/04/2026				
300	Hydraulic and Pneumatic System	011100184901	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	34	G203	9:30	3	14/04/2026				
301	Nghe - Nói 5	010100092603	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B002	12:30	3	14/04/2026	1	1-11		
302	Nghe - Nói 5	010100092603	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B004	12:30	3	14/04/2026	2	12-22		
303	Nghe - Nói 5	010100092603	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B101	12:30	3	14/04/2026	3	23-33		
304	Nghe - Nói 5	010100092603	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B102	12:30	3	14/04/2026	4	34-46		
305	Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	010100136801	23ĐHDL03	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	29	G605	12:30	3	14/04/2026				
306	Chương trình an ninh hàng không dân dụng quốc gia	010100151501	23ĐHQTVT2	Khoa Quản trị kinh doanh	Tiểu luận	3	50	G202	12:30	3	14/04/2026	2	26-50		
307	Warehouse & Inventory Management	010100175201	24ĐAKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	56	G205	12:30	3	14/04/2026				
308	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014701	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	50	G207	12:30	3	14/04/2026				
309	Kỹ thuật vi xử lý , Vi điều khiển	011100014702	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Tự luận	3	34	G113	12:30	3	14/04/2026				
310	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065001	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	67	G203	12:30	3	14/04/2026	1	1-40		
311	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065001	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	67	G201	12:30	3	14/04/2026	2	46-67		
312	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065002	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	64	G304	12:30	3	14/04/2026	1	1-40		
313	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065002	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	64	G302	12:30	3	14/04/2026	2	41-64		
314	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065003	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	65	G301	12:30	3	14/04/2026	1	1-32		
315	Kỹ thuật số và các thiết bị hiển thị điện tử	011100065003	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	65	G307	12:30	3	14/04/2026	2	33-65		
316	Tổng quan về cầu dẫn cảng hàng không, sân bay	011100197301	24ĐHXDC1	Khoa Xây dựng	Tự luận	3	24	G504	12:30	3	14/04/2026				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
317	Kinh tế lượng	010100010901	23ĐHKVLD02	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	45	G207	14:30	3	14/04/2026				
318	Kinh tế vận tải hàng không	010100013101	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G201	14:30	3	14/04/2026	1	1-29		
319	Kinh tế vận tải hàng không	010100013101	24ĐHKVC1	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	59	G202	14:30	3	14/04/2026	2	30-59		
320	Kinh tế vận tải hàng không	010100013102	24ĐHKVC2	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	51	G205	14:30	3	14/04/2026				
321	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022101	24ĐHDLLH1	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G305	14:30	3	14/04/2026				
322	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022102	24ĐHDLLH2	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	31	G301	14:30	3	14/04/2026				
323	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	010100022103	24ĐHDLLH3	Khoa Du lịch và Dịch vụ hàng không	Tự luận	3	50	G113	14:30	3	14/04/2026				
324	Nghiệp vụ hải quan	010100150901	24ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	42	G203	14:30	3	14/04/2026				
325	Nghiệp vụ hải quan	010100150902	24ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	42	G304	14:30	3	14/04/2026				
326	Mạch điện tử	011153000401	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G201	16:30	3	14/04/2026	1	1-30		
327	Mạch điện tử	011153000401	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G202	16:30	3	14/04/2026	2	31-60		
328	Mạch điện tử	011153000402	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G301	16:30	3	14/04/2026	1	1-30		
329	Mạch điện tử	011153000402	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G302	16:30	3	14/04/2026	2	31-60		
330	Mạch điện tử	011153000403	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	40	G113	16:30	3	14/04/2026				
331	Mạch điện tử	011153000404	25ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G307	16:30	3	14/04/2026	1	1-30		
332	Mạch điện tử	011153000404	25ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G504	16:30	3	14/04/2026	2	31-60		
333	Mạch điện tử	011153000405	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G604	16:30	3	14/04/2026	1	1-30		
334	Mạch điện tử	011153000405	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G603	16:30	3	14/04/2026	2	31-60		
335	Mạch điện tử	011153000406	25ĐHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G602	16:30	3	14/04/2026	1	1-30		
336	Mạch điện tử	011153000406	25ĐHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	60	G605	16:30	3	14/04/2026	2	31-60		
337	Nghe - Nói 5	010100092606	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B004	7:30	4	15/04/2026	1	1-11		
338	Nghe - Nói 5	010100092606	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B101	7:30	4	15/04/2026	2	12-22		
339	Nghe - Nói 5	010100092606	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B102	7:30	4	15/04/2026	3	23-33		
340	Nghe - Nói 5	010100092606	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B105	7:30	4	15/04/2026	4	34-44		
341	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	28	B002	7:30	4	15/04/2026			Nghe	
342	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	40	E01	7:30	4	15/04/2026			Nghe	
343	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	011100091301	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	71	G205	7:30	4	15/04/2026				
344	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	39	E02	7:30	4	15/04/2026			Nghe	
345	Tiểu án Tìm hiểu hoạt động doanh nghiệp tại Cảng hàng không - Sân bay	011152129601	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	1	39	G609	7:30	4	15/04/2026	1	1-19		
346	Thực hành điện tử số	011153001206	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	7:30	4	15/04/2026				
347	Nghe - Nói 5	010100092607	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	9:30	4	15/04/2026	1	1-11		
348	Nghe - Nói 5	010100092607	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	9:30	4	15/04/2026	2	12-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
349	Nghe - Nói 5	010100092607	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	9:30	4	15/04/2026	3	23-33		
350	Nghe - Nói 5	010100092607	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	9:30	4	15/04/2026	4	34-45		
351	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	28	B002	9:30	4	15/04/2026			Viết	
352	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	40	E01	9:30	4	15/04/2026			Viết	
353	Chuyên đề 1 (TDH HK)	011100091301	23ĐHTĐ01; 23ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	71	G205	9:30	4	15/04/2026				
354	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	39	E02	9:30	4	15/04/2026			Viết	
355	Tiểu án Tìm hiểu hoạt động doanh nghiệp tại Cảng hàng không - Sân bay	011152129601	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	1	39	G609	9:30	4	15/04/2026	2	20-39		
356	Thực hành điện tử số	011153001206	25ĐHDU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	9:30	4	15/04/2026				
357	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104601	25ĐHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G201	9:30	4	15/04/2026	1	1-29		
358	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104601	25ĐHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G202	9:30	4	15/04/2026	2	30-59		
359	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104602	25ĐHBT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G301	9:30	4	15/04/2026	1	1-29		
360	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104602	25ĐHBT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	59	G302	9:30	4	15/04/2026	2	30-59		
361	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104603	25ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	50	G113	9:30	4	15/04/2026				
362	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104604	25ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	58	G304	9:30	4	15/04/2026	1	1-29		
363	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104604	25ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	58	G307	9:30	4	15/04/2026	2	30-58		
364	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104605	25ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G601	9:30	4	15/04/2026	1	1-30		
365	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104605	25ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	60	G603	9:30	4	15/04/2026	2	31-60		
366	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104606	25ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G604	9:30	4	15/04/2026	1	1-30		
367	Hình họa và vẽ kỹ thuật	011154104606	25ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	61	G608	9:30	4	15/04/2026	2	31-61		
368	Nghe - Nói 5	010100092609	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	12:30	4	15/04/2026	1	1-11		
369	Nghe - Nói 5	010100092609	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	12:30	4	15/04/2026	2	12-22		
370	Nghe - Nói 5	010100092609	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	12:30	4	15/04/2026	3	23-33		
371	Nghe - Nói 5	010100092609	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	12:30	4	15/04/2026	4	34-45		
372	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	28	A113	13:00	4	15/04/2026			Đọc	
373	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	40	A114	13:00	4	15/04/2026			Đọc	
374	Air Cargo Management	010100162301	24ĐAQT01	Khoa Kinh tế hàng không	Tự luận	3	54	G205	12:30	4	15/04/2026				
375	Kết cấu Hàng không 1	011100105401	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G301	12:30	4	15/04/2026	1	1-31		
376	Kết cấu Hàng không 1	011100105401	24ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G302	12:30	4	15/04/2026	2	32-62		
377	Kết cấu Hàng không 1	011100105402	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	65	G307	12:30	4	15/04/2026	1	1-32		
378	Kết cấu Hàng không 1	011100105402	24ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	65	G504	12:30	4	15/04/2026	2	33-65		
379	Kết cấu Hàng không 1	011100105403	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G601	12:30	4	15/04/2026	1	1-31		
380	Kết cấu Hàng không 1	011100105403	24ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	62	G602	12:30	4	15/04/2026	2	32-62		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
381	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	39	D02	13:00	4	15/04/2026			Đọc	
382	Tiểu án Tìm hiểu hoạt động doanh nghiệp tại Cảng hàng không - Sân bay	011152129602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	1	40	G605	12:30	4	15/04/2026	1	1-20		
383	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000506	25ĐHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	12:30	4	15/04/2026				
384	Thực hành điện tử số	011153001201	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G404	12:30	4	15/04/2026				
385	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	28	B001	14:30	4	15/04/2026	1	1-7	Nói	
386	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	28	B002	14:30	4	15/04/2026	2	8-15	Nói	
387	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	28	B004	14:30	4	15/04/2026	3	16-23	Nói	
388	Tiếng Anh 4	010100112006	24ĐHKVLQ3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	28	B101	14:30	4	15/04/2026	4	24-28	Nói	
389	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	B102	14:30	4	15/04/2026	1	1-8	Nói	
390	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	B105	14:30	4	15/04/2026	2	9-16	Nói	
391	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	B202	14:30	4	15/04/2026	3	17-24	Nói	
392	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310301	25ĐHKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G201	14:30	4	15/04/2026	1	1-32		
393	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310301	25ĐHKV01	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G202	14:30	4	15/04/2026	2	33-64		
394	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310302	25ĐHKV02	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G301	14:30	4	15/04/2026	1	1-32		
395	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310302	25ĐHKV02	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G302	14:30	4	15/04/2026	2	33-64		
396	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310303	25ĐHKV03	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	65	G307	14:30	4	15/04/2026	1	1-32		
397	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310303	25ĐHKV03	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	65	G504	14:30	4	15/04/2026	2	33-65		
398	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310304	25ĐHKV04	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G601	14:30	4	15/04/2026	1	1-32		
399	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310304	25ĐHKV04	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G602	14:30	4	15/04/2026	2	33-64		
400	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310305	25ĐHKH01	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	68	G304	14:30	4	15/04/2026	1	1-40		
401	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310305	25ĐHKH01	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	68	G608	14:30	4	15/04/2026	2	41-68		
402	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310306	25ĐHKH02	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	68	G205	14:30	4	15/04/2026	1	1-40		
403	Giao dịch thương mại quốc tế	010131310306	25ĐHKH02	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	68	G609	14:30	4	15/04/2026	2	41-68		
404	Tiểu án Tìm hiểu hoạt động doanh nghiệp tại Cảng hàng không - Sân bay	011152129602	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Báo cáo	1	40	G605	14:30	4	15/04/2026	2	21-40		
405	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000506	25ĐHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	14:30	4	15/04/2026				
406	Thực hành điện tử số	011153001201	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G404	14:30	4	15/04/2026				
407	Thực hành điện tử số	011153001202	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	16	G401	14:30	4	15/04/2026				
408	Quản trị sản xuất và điều hành	010100018901	24ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	3	66	G303	16:30	4	15/04/2026	1	1-33		
409	Quản trị sản xuất và điều hành	010100018901	24ĐHQTTTH	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	3	66	G304	16:30	4	15/04/2026	2	34-66		
410	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	B203	16:30	4	15/04/2026	4	25-31	Nói	
411	Tiếng Anh 4	010100112007	24ĐHNL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	40	B204	16:30	4	15/04/2026	5	32-40	Nói	
412	Bảo hiểm trong ngoại thương	010100150801	24ĐHQTKQ1	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	46	G204	16:30	4	15/04/2026				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
413	Bảo hiểm trong ngoại thương	010100150802	24ĐHQTKQ2	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	44	G113	16:30	4	15/04/2026				
414	Tin học ứng dụng trong khối ngành kinh tế	010131160101	25ĐHKSS01	Khoa Quản trị kinh doanh	Kiểm tra viết	3	48	G205	16:30	4	15/04/2026				
415	Logistics Management	010173290401	25ĐALO01	Khoa Kinh tế hàng không	Kiểm tra viết	3	33	G608	16:30	4	15/04/2026				
416	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	B205	16:30	4	15/04/2026	1	1-8	Nói	
417	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	B206	16:30	4	15/04/2026	2	9-16	Nói	
418	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	B302	16:30	4	15/04/2026	3	17-24	Nói	
419	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	B301	16:30	4	15/04/2026	4	25-31	Nói	
420	Tiếng Anh 4	011100112003	24ĐHĐT01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	39	B303	16:30	4	15/04/2026	5	32-38	Nói	
421	Sức bền vật liệu	011152121401	25ĐHQK01	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	3	47	G305	16:30	4	15/04/2026				
422	Sức bền vật liệu	011152121402	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	3	61	G301	16:30	4	15/04/2026	1	1-30		
423	Sức bền vật liệu	011152121402	25ĐHQK02	Khoa Xây dựng	Kiểm tra viết	3	61	G302	16:30	4	15/04/2026	2	31-61		
424	Điện tử số	011153000701	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	G307	16:30	4	15/04/2026	1	1-32		
425	Điện tử số	011153000701	25ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	G504	16:30	4	15/04/2026	2	33-64		
426	Điện tử số	011153000702	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	G601	16:30	4	15/04/2026	1	1-32		
427	Điện tử số	011153000702	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	G604	16:30	4	15/04/2026	2	33-64		
428	Điện tử số	011153000703	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	G609	16:30	4	15/04/2026	1	1-32		
429	Điện tử số	011153000703	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Kiểm tra viết	3	64	H003	16:30	4	15/04/2026	2	33-64		
430	Nghe - Nói 5	010100092610	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	7:30	5	16/04/2026	1	1-11		
431	Nghe - Nói 5	010100092610	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	7:30	5	16/04/2026	2	12-22		
432	Nghe - Nói 5	010100092610	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B202	7:30	5	16/04/2026	3	23-33		
433	Nghe - Nói 5	010100092610	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B203	7:30	5	16/04/2026	4	34-45		
434	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	27	B005	7:30	5	16/04/2026				Nghe
435	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	23	B102	7:30	5	16/04/2026				Nghe
436	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm (phiếu trả lời)	3	38	E01	7:30	5	16/04/2026				Nghe
437	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000504	25ĐHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	31	G403	7:30	5	16/04/2026				
438	Nghe - Nói 5	010100092611	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	9:30	5	16/04/2026	1	1-11		
439	Nghe - Nói 5	010100092611	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	9:30	5	16/04/2026	2	12-22		
440	Nghe - Nói 5	010100092611	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B202	9:30	5	16/04/2026	3	23-33		
441	Nghe - Nói 5	010100092611	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B203	9:30	5	16/04/2026	4	34-45		
442	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	27	B005	9:30	5	16/04/2026				Viết
443	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	23	B102	9:30	5	16/04/2026				Viết
444	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	38	E01	9:30	5	16/04/2026				Viết

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
445	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000504	25DHUR02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	31	G403	9:30	5	16/04/2026				
446	Nghe - Nói 5	010100092612	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	12:30	5	16/04/2026	1	1-11		
447	Nghe - Nói 5	010100092612	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	12:30	5	16/04/2026	2	12-22		
448	Nghe - Nói 5	010100092612	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B202	12:30	5	16/04/2026	3	23-33		
449	Nghe - Nói 5	010100092612	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B203	12:30	5	16/04/2026	4	34-45		
450	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	27	A113	13:00	5	16/04/2026			Độc	
451	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	23	A114	13:00	5	16/04/2026			Độc	
452	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Trắc nghiệm online	3	38	D02	13:00	5	16/04/2026			Độc	
453	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	27	B002	14:30	5	16/04/2026	1	1-7	Nói	
454	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	27	B004	14:30	5	16/04/2026	2	8-14	Nói	
455	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	27	B005	14:30	5	16/04/2026	3	15-21	Nói	
456	Tiếng Anh 4	010100112005	24ĐHKVLQ1	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	27	B101	14:30	5	16/04/2026	4	22-27	Nói	
457	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	23	B102	14:30	5	16/04/2026	1	1-8	Nói	
458	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	23	B105	14:30	5	16/04/2026	2	9-16	Nói	
459	Tiếng Anh 4	011100112001	24ĐHKL01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	23	B202	14:30	5	16/04/2026	3	17-23	Nói	
460	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	B203	16:30	5	16/04/2026	1	1-8	Nói	
461	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	B205	16:30	5	16/04/2026	2	9-16	Nói	
462	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	B302	16:30	5	16/04/2026	3	17-24	Nói	
463	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	B301	16:30	5	16/04/2026	4	25-31	Nói	
464	Tiếng Anh 4	011100112002	24ĐHKL02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	38	B204	16:30	5	16/04/2026	5	32-38	Nói	
465	Internet vạn vật (IoT)	010100087002	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	62	G507	12:30 - 16:30	5	16/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
466	Khai thác dữ liệu	010100087303	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	59	G508	12:30 - 16:30	5	16/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
467	Internet vạn vật (IoT)	010100087001	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	59	G507	7:30 - 11:30	5	16/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
468	Khai thác dữ liệu	010100087301	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	64	G508	7:30 - 11:30	5	16/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
469	Độc - Viết 5	010100093101	24ĐHNATM1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	24	G201	7:30	6	17/04/2026				
470	Độc - Viết 5	010100093102	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G113	7:30	6	17/04/2026				
471	Độc - Viết 5	010100093104	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	46	G205	7:30	6	17/04/2026				
472	Độc - Viết 5	010100093105	24ĐHNATM5	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G204	7:30	6	17/04/2026				
473	Độc - Viết 5	010100093106	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G303	7:30	6	17/04/2026				
474	Thí nghiệm vi xử lý - Vi điều khiển	011100015001	24ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	35	G401	7:30	6	17/04/2026				
475	Phát triển ứng dụng IoT	011100157101	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	37	G203	7:30	6	17/04/2026				
476	Cơ học lý thuyết - Kỹ thuật Hàng không	011154100701	25DHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G301	7:30	6	17/04/2026	1	1-32		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
477	Cơ học lý thuyết - Kỹ thuật Hàng không	011154100701	25ĐHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	64	G302	7:30	6	17/04/2026	2	33-64		
478	Độc - Viết 5	010100093103	24ĐHNATM3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G304	9:30	6	17/04/2026				
479	Độc - Viết 5	010100093107	24ĐHNAHK2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G204	9:30	6	17/04/2026				
480	Độc - Viết 5	010100093108	24ĐHNAHK3	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	27	G201	9:30	6	17/04/2026				
481	Độc - Viết 5	010100093109	24ĐHNAHK4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G113	9:30	6	17/04/2026				
482	Độc - Viết 5	010100093110	24ĐHNATM2	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	44	G203	9:30	6	17/04/2026				
483	Độc - Viết 5	010100093111	24ĐHNATM4	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G205	9:30	6	17/04/2026				
484	Độc - Viết 5	010100093112	24ĐHNAHK1	Khoa Ngoại ngữ	Tự luận	3	45	G303	9:30	6	17/04/2026				
485	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	011100015002	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	36	G401	9:30	6	17/04/2026				
486	Thí nghiệm vi xử lý – Vi điều khiển	011100015003	24ĐHĐT02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	32	G401	12:30	6	17/04/2026				
487	Phát triển ứng dụng trên Python	011100156901	23ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	3	50	G203	12:30	6	17/04/2026				
488	Điện toán đám mây	010100087102	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	27	G508	12:30 - 16:30	6	17/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
489	Internet vạn vật (IoT)	010100087003	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	29	G508	7:30 - 11:30	6	17/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
490	Vật liệu hàng không	011100034601	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	61	B005	7:30	7	18/04/2026	1	1-30		
491	Vật liệu hàng không	011100034601	22ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Báo cáo	3	61	B005	9:30	7	18/04/2026	2	31-61		
492	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017401	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	7:30	2	20/04/2026	1	1-15		
493	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000503	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G401	7:30	2	20/04/2026				
494	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017401	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	9:30	2	20/04/2026	2	16-30		
495	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017402	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31A	9:30	2	20/04/2026	1	1-15		
496	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	011100103103	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	9:30	2	20/04/2026				
497	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000503	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G401	9:30	2	20/04/2026				
498	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017402	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31A	12:30	2	20/04/2026	2	16-30		
499	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	011100103102	24ĐHTĐ02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	12:30	2	20/04/2026				
500	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000505	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	24	G401	12:30	2	20/04/2026				
501	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	011100103104	24ĐHTĐ03	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	29	G403	14:30	2	20/04/2026				
502	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000505	25ĐHUR01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	24	G401	14:30	2	20/04/2026				
503	Thực hành khí cụ điện - Đo lường điện	011100103101	24ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	16:30	2	20/04/2026				
504	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017404	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	7:30	3	21/04/2026	1	1-15		
505	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000501	25ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	7:30	3	21/04/2026				
506	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017404	23ĐHKL01	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	9:30	3	21/04/2026	2	16-30		
507	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000501	25ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	9:30	3	21/04/2026				
508	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	011153000502	25ĐHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	12:30	3	21/04/2026				

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
509	Thực hành Kỹ thuật Điện tử	01115300502	25DHTĐ01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	2	30	G403	14:30	3	21/04/2026				
510	Đồ án cơ sở ngành CNTT	010100085102	23ĐHTT02	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	59	G508	12:30 - 16:30	4	21/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
511	Đồ án cơ sở ngành CNTT	010100085101	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	60	G508	7:30 - 11:30	4	21/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
512	Thực hành điện tử số	011153001204	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	7:30	4	22/04/2026				
513	Thực hành điện tử số	011153001204	25ĐHĐU02	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	9:30	4	22/04/2026				
514	Thực hành điện tử số	011153001205	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	12:30	4	22/04/2026				
515	Thực hành điện tử số	011153001205	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	14:30	4	22/04/2026				
516	Thực hành điện tử số	011153001203	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	16:30	4	22/04/2026				
517	Thực hành điện tử số	011153001203	25ĐHĐU01	Khoa Điện - Điện tử	Báo cáo	1	30	G403	18:30	4	22/04/2026				
518	Đồ án cơ sở ngành CNTT	010100085103	23ĐHTT03	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	60	G508	12:30 - 16:30	4	22/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
519	Tiểu luận tốt nghiệp ĐTVT	011100166001	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	5	10	G404	7:30	5	23/04/2026				
520	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017403	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	9:30	5	23/04/2026	1	1-15		
521	Tiểu luận tốt nghiệp ĐTVT	011100166001	21ĐHĐT01	Khoa Điện - Điện tử	Tiểu luận	5	10	G404	9:30	5	23/04/2026				
522	Đồ án môn học 1 QLHĐB	011100017403	23ĐHKL02	Khoa Khai thác hàng không	Báo cáo	2	30	D31	12:30	5	23/04/2026	2	16-30		
523	Đồ án cơ sở ngành CNTT	010100085105	23ĐHTT05	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	61	G508	12:30 - 16:30	5	23/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
524	Đồ án cơ sở ngành CNTT	010100085104	23ĐHTT04	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	3	59	G508	7:30 - 11:30	5	23/04/2026				Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
525	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHĐU01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	62	G201	7:30	6	24/04/2026	1	1-15		
526	Kỹ thuật điện tử	011154100501	25ĐHBT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G202	7:30	6	24/04/2026	1	1-30		
527	Kỹ thuật điện tử	011154100501	25ĐHBT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G203	7:30	6	24/04/2026	2	31-60		
528	Kỹ thuật điện tử	011154100502	25ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	50	G205	7:30	6	24/04/2026				
529	Kỹ thuật điện tử	011154100505	25ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	35	G113	7:30	6	24/04/2026				
530	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHĐU01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	62	G201	9:30	6	24/04/2026	2	16-30		
531	Kỹ thuật điện tử	011154100503	25ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G203	9:30	6	24/04/2026	1	1-30		
532	Kỹ thuật điện tử	011154100503	25ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G204	9:30	6	24/04/2026	2	31-60		
533	Kỹ thuật điện tử	011154100504	25ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G202	9:30	6	24/04/2026	1	1-30		
534	Kỹ thuật điện tử	011154100504	25ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	60	G113	9:30	6	24/04/2026	2	31-60		
535	Aircraft Structures 1	011100185401	24ĐAKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Tự luận	3	33	G113	12:30	6	24/04/2026				
536	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHĐU01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	62	G201	12:30	6	24/04/2026	3	31-45		
537	Kỹ thuật điện, điện tử UAV	011154103801	25ĐHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	61	G202	12:30	6	24/04/2026	1	1-30		
538	Kỹ thuật điện, điện tử UAV	011154103801	25ĐHUV01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Kiểm tra viết	3	61	G203	12:30	6	24/04/2026	2	31-61		
539	Thực tập nhận thức nghề nghiệp	011152101601	25ĐHĐU01	Khoa Xây dựng	Báo cáo	2	62	G201	14:30	6	24/04/2026	4	46-62		
540	Nghe - Nói B1.2	010171100209	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	7:30	2	04/05/2026	1	1-11		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
541	Nghe - Nói B1.2	010171100209	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B005	7:30	2	04/05/2026	2	12-22		
542	Nghe - Nói B1.2	010171100209	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	7:30	2	04/05/2026	3	23-33		
543	Nghe - Nói B1.2	010171100209	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	7:30	2	04/05/2026	4	34-45		
544	Nghe - Nói B1.2	010171100210	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B004	9:30	2	04/05/2026	1	1-11		
545	Nghe - Nói B1.2	010171100210	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B005	9:30	2	04/05/2026	2	12-22		
546	Nghe - Nói B1.2	010171100210	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B101	9:30	2	04/05/2026	3	23-33		
547	Nghe - Nói B1.2	010171100210	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	46	B102	9:30	2	04/05/2026	4	34-46		
548	Nghe - Nói B1.2	010171100211	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	B004	12:30	2	04/05/2026	1	1-10		
549	Nghe - Nói B1.2	010171100211	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	B005	12:30	2	04/05/2026	2	11-20		
550	Nghe - Nói B1.2	010171100211	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	B101	12:30	2	04/05/2026	3	21-30		
551	Nghe - Nói B1.2	010171100211	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	41	B102	12:30	2	04/05/2026	4	31-41		
552	Nghe - Nói B1.2	010171100213	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B004	14:30	2	04/05/2026	1	1-11		
553	Nghe - Nói B1.2	010171100213	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B005	14:30	2	04/05/2026	2	12-22		
554	Nghe - Nói B1.2	010171100213	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	14:30	2	04/05/2026	3	23-33		
555	Nghe - Nói B1.2	010171100213	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	14:30	2	04/05/2026	4	34-45		
556	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	15	G507	12:30 - 16:30	2	04/05/2026	3			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
557	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	18	G508	12:30 - 16:30	2	04/05/2026	12			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
558	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G508	7:30 - 11:30	2	04/05/2026	11			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
559	Nghe - Nói B1.2	010171100201	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B002	7:30	3	05/05/2026	1	1-11		
560	Nghe - Nói B1.2	010171100201	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	7:30	3	05/05/2026	2	12-22		
561	Nghe - Nói B1.2	010171100201	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	7:30	3	05/05/2026	3	23-33		
562	Nghe - Nói B1.2	010171100201	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	7:30	3	05/05/2026	4	34-45		
563	Nghe - Nói B1.2	010171100202	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B002	9:30	3	05/05/2026	1	1-11		
564	Nghe - Nói B1.2	010171100202	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	9:30	3	05/05/2026	2	12-22		
565	Nghe - Nói B1.2	010171100202	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	9:30	3	05/05/2026	3	23-33		
566	Nghe - Nói B1.2	010171100202	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	9:30	3	05/05/2026	4	34-45		
567	Nghe - Nói B1.2	010171100203	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B002	12:30	3	05/05/2026	1	1-11		
568	Nghe - Nói B1.2	010171100203	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	12:30	3	05/05/2026	2	12-22		
569	Nghe - Nói B1.2	010171100203	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	12:30	3	05/05/2026	3	23-33		
570	Nghe - Nói B1.2	010171100203	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	12:30	3	05/05/2026	4	34-45		
571	Nghe - Nói B1.2	010171100204	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B002	14:30	3	05/05/2026	1	1-11		
572	Nghe - Nói B1.2	010171100204	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	14:30	3	05/05/2026	2	12-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
573	Nghe - Nói B1.2	010171100204	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B105	14:30	3	05/05/2026	3	23-33		
574	Nghe - Nói B1.2	010171100204	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	14:30	3	05/05/2026	4	34-45		
575	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	18	G508	12:30 - 16:30	3	05/05/2026	4			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
576	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	6	G507	12:30 - 16:30	3	05/05/2026	10			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
577	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G507	7:30 - 11:30	3	05/05/2026	9			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
578	Nghe - Nói B1.2	010171100205	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	7:30	4	06/05/2026	1	1-11		
579	Nghe - Nói B1.2	010171100205	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B301	7:30	4	06/05/2026	2	12-22		
580	Nghe - Nói B1.2	010171100205	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	7:30	4	06/05/2026	3	23-33		
581	Nghe - Nói B1.2	010171100205	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	7:30	4	06/05/2026	4	34-45		
582	Nghe - Nói B1.2	010171100206	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	9:30	4	06/05/2026	1	1-11		
583	Nghe - Nói B1.2	010171100206	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B301	9:30	4	06/05/2026	2	12-22		
584	Nghe - Nói B1.2	010171100206	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	9:30	4	06/05/2026	3	23-33		
585	Nghe - Nói B1.2	010171100206	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	9:30	4	06/05/2026	4	34-45		
586	Nghe - Nói B1.2	010171100207	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	12:30	4	06/05/2026	1	1-11		
587	Nghe - Nói B1.2	010171100207	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B301	12:30	4	06/05/2026	2	12-22		
588	Nghe - Nói B1.2	010171100207	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	12:30	4	06/05/2026	3	23-33		
589	Nghe - Nói B1.2	010171100207	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	12:30	4	06/05/2026	4	34-45		
590	Nghe - Nói B1.2	010171100208	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B101	14:30	4	06/05/2026	1	1-11		
591	Nghe - Nói B1.2	010171100208	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B301	14:30	4	06/05/2026	2	12-22		
592	Nghe - Nói B1.2	010171100208	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B102	14:30	4	06/05/2026	3	23-33		
593	Nghe - Nói B1.2	010171100208	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B302	14:30	4	06/05/2026	4	34-44		
594	Nghe - Nói B1.2	010171100212	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	14	B102	16:30	4	06/05/2026	1	1-7		
595	Nghe - Nói B1.2	010171100212	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	14	B301	16:30	4	06/05/2026	2	8-14		
596	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G508	12:30 - 16:30	4	06/05/2026	6			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
597	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	29	G507	12:30 - 16:30	4	06/05/2026	7			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
598	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G508	7:30 - 11:30	4	06/05/2026	5			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
599	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	18	G507	7:30 - 11:30	4	06/05/2026	13			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
600	Nghe - Nói B1.2	010171100214	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B101	7:30	5	07/05/2026	1	1-11		
601	Nghe - Nói B1.2	010171100214	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B102	7:30	5	07/05/2026	2	12-22		
602	Nghe - Nói B1.2	010171100214	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B206	7:30	5	07/05/2026	3	23-33		
603	Nghe - Nói B1.2	010171100214	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	44	B302	7:30	5	07/05/2026	4	34-44		
604	Nghe - Nói B1.2	010171100215	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	9:30	5	07/05/2026	1	1-11		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ số số	Cột điểm thi	Ghi Chú
605	Nghe - Nói B1.2	010171100215	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	9:30	5	07/05/2026	2	12-22		
606	Nghe - Nói B1.2	010171100215	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	9:30	5	07/05/2026	3	23-33		
607	Nghe - Nói B1.2	010171100215	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	9:30	5	07/05/2026	4	34-45		
608	Nghe - Nói B1.2	010171100216	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	12:30	5	07/05/2026	1	1-11		
609	Nghe - Nói B1.2	010171100216	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	12:30	5	07/05/2026	2	12-22		
610	Nghe - Nói B1.2	010171100216	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	12:30	5	07/05/2026	3	23-33		
611	Nghe - Nói B1.2	010171100216	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	12:30	5	07/05/2026	4	34-45		
612	Nghe - Nói B1.2	010171100217	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	14:30	5	07/05/2026	1	1-11		
613	Nghe - Nói B1.2	010171100217	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	14:30	5	07/05/2026	2	12-22		
614	Nghe - Nói B1.2	010171100217	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	14:30	5	07/05/2026	3	23-33		
615	Nghe - Nói B1.2	010171100217	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	14:30	5	07/05/2026	4	34-45		
616	Nghe - Nói B1.2	010171100218	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B101	16:30	5	07/05/2026	1	1-11		
617	Nghe - Nói B1.2	010171100218	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B102	16:30	5	07/05/2026	2	12-22		
618	Nghe - Nói B1.2	010171100218	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B206	16:30	5	07/05/2026	3	23-33		
619	Nghe - Nói B1.2	010171100218	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Vấn đáp	3	45	B302	16:30	5	07/05/2026	4	34-45		
620	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G507	12:30 - 16:30	5	07/05/2026	2			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
621	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	18	G508	12:30 - 16:30	5	07/05/2026	8			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
622	Thực tập tốt nghiệp CNTT	010100087801	23ĐHTT01	Khoa Công nghệ thông tin	Tiểu luận (làm việc nhóm)	4	24	G507	7:30 - 11:30	5	07/05/2026	1			Thi trong 1 buổi, không tách nhóm
623	Độc - Viết B1.2	010171100701	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	24	G201	7:30	6	08/05/2026				
624	Độc - Viết B1.2	010171100702	25ĐHNA02	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	37	G203	7:30	6	08/05/2026				
625	Độc - Viết B1.2	010171100703	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G202	7:30	6	08/05/2026	1	1-22		
626	Độc - Viết B1.2	010171100703	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G601	7:30	6	08/05/2026	2	23-45		
627	Độc - Viết B1.2	010171100704	25ĐHNA04	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	43	G205	7:30	6	08/05/2026				
628	Độc - Viết B1.2	010171100705	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G406	7:30	6	08/05/2026				
629	Độc - Viết B1.2	010171100715	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G604	7:30	6	08/05/2026	1	1-22		
630	Độc - Viết B1.2	010171100715	25ĐHNA05	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G605	7:30	6	08/05/2026	2	23-45		
631	Độc - Viết B1.2	010171100706	25ĐHNA06	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	44	G205	9:30	6	08/05/2026				
632	Độc - Viết B1.2	010171100707	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G203	9:30	6	08/05/2026				
633	Độc - Viết B1.2	010171100708	25ĐHNA08	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G406	9:30	6	08/05/2026				
634	Độc - Viết B1.2	010171100709	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G201	9:30	6	08/05/2026	1	1-22		
635	Độc - Viết B1.2	010171100709	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G604	9:30	6	08/05/2026	2	23-45		
636	Độc - Viết B1.2	010171100710	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G601	9:30	6	08/05/2026	1	1-22		

STT	Môn thi	Mã LHP	Lớp	Khoa chủ quản	Hình thức thi	Số tín chỉ	Sĩ số	Phòng Thi	Giờ thi	Thứ	Ngày thi	Nhóm	Từ sĩ số	Cột điểm thi	Ghi Chú
637	Đọc - Viết B1.2	010171100710	25ĐHNA10	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G202	9:30	6	08/05/2026	2	23-45		
638	Đọc - Viết B1.2	010171100717	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G605	9:30	6	08/05/2026	1	1-22		
639	Đọc - Viết B1.2	010171100717	25ĐHNA09	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G608	9:30	6	08/05/2026	2	23-45		
640	Đọc - Viết B1.2	010171100711	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	46	G304	12:30	6	08/05/2026				
641	Đọc - Viết B1.2	010171100712	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G201	12:30	6	08/05/2026	1	1-22		
642	Đọc - Viết B1.2	010171100712	25ĐHNA12	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G603	12:30	6	08/05/2026	2	23-45		
643	Đọc - Viết B1.2	010171100713	25ĐHNA01	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	34	G113	12:30	6	08/05/2026				
644	Đọc - Viết B1.2	010171100714	25ĐHNA03	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G204	12:30	6	08/05/2026				
645	Đọc - Viết B1.2	010171100716	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G604	12:30	6	08/05/2026	1	1-22		
646	Đọc - Viết B1.2	010171100716	25ĐHNA07	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	45	G605	12:30	6	08/05/2026	2	23-45		
647	Đọc - Viết B1.2	010171100718	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	46	G608	12:30	6	08/05/2026	1	1-23		
648	Đọc - Viết B1.2	010171100718	25ĐHNA11	Khoa Ngoại ngữ	Kiểm tra viết	3	46	G609	12:30	6	08/05/2026	2	24-46		
649	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	011100054001	23ĐHKT01	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	40								Thi ngày 27/03/2026 tại Cam Ranh
650	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	011100054002	23ĐHKT02	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	22								Thi ngày 06/04/2026 tại Cam Ranh
651	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	011100054003	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	40								Thi ngày 01/04/2026 tại Cam Ranh
652	Thực hành bảo dưỡng tàu bay 1	011100054004	23ĐHKT03	Khoa Kỹ thuật Hàng không	Thực hành	5	40								Thi ngày 11/04/2026 tại Cam Ranh

Lập lịch thi



Dương Gia Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thiện Lưu